

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính hợp nhất*  
*Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016*  
*đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI  
326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 50

080501  
CÔNG  
HẠCH KẾ  
TOÁN VÀ  
KIỂM  
TOÁN  
PHÍA

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: 2.199.398.670.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột masit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### 4. Cấu trúc Công ty

##### Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai  
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh  
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai  
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp  
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai  
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P. Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Mã số chi nhánh : 1600169024-019



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Thông tin về văn phòng đại diện:

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc  
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.  
Mã số VPĐD : 1600169024-016
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình  
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.  
Mã số VPĐD : 1600169024-018

### Công ty liên kết:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	39,29%	39,29%	693.608.460.000

### Công ty con:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	66,00%	66,00%	33.000.000.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	81,36%	81,36%	45.391.109.800
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	99,00%	99,00%	335.073.000.000
+ Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	67,09%	67,09%	135.096.610.000

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông: Lê Văn Chung	Thành viên
Ông: Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông: Lê Văn Thùy	Thành viên
Ông: Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông: Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà: Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà: Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Lê Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà: Lê Thị Tính	Ủy viên
Ông: Lê Thanh Hành	Ủy viên

Đại diện theo phát luật:

Ông: Lê Thanh Thuận

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Hoàng Sang

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Tổng Giám đốc

  
TẬP ĐOÀN  
SAO MAI  
LÊ THANH THUẬN

5017/20  
CÔNG TY  
LƯU TẾ  
RICH ĐOÀN  
HÀ NAM  
L. PH. Đ. Q.

Số: 325/BCKT/TC/2017/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

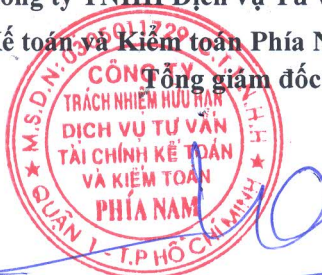
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2017**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên****Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**

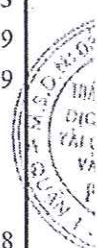
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.250.054.375.296</b>	<b>3.057.128.120.453</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.01	<b>211.492.893.500</b>	<b>472.339.566.075</b>
111	1. Tiền		52.392.893.500	80.142.651.139
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.100.000.000	392.196.914.936
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02	<b>372.139.724.107</b>	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		372.139.724.107	
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.400.216.781.606</b>	<b>1.572.441.057.813</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	376.373.447.012	362.280.763.909
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		843.883.866.079	1.031.044.021.159
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04	1.000.000.000	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	178.953.787.323	179.106.631.938
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.06	5.681.192	9.640.807
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.07	<b>1.259.337.702.182</b>	<b>1.005.217.662.090</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.259.337.702.182	1.005.217.662.090
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.867.273.901</b>	<b>7.129.834.475</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	310.228.827	192.002.512
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.327.565.329	4.541.991.861
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	3.229.479.745	2.395.840.102
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.630.468.061.703</b>	<b>851.373.814.110</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.262.045.103</b>	<b>848.337.884</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		44.500.000	44.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	2.217.545.103	803.837.884
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>206.914.480.899</b>	<b>141.726.532.527</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	163.386.100.488	111.249.929.423
222	- Nguyên giá		259.381.188.476	153.766.616.301
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(95.995.087.988)	(42.516.686.878)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	43.528.380.411	30.476.603.104
228	- Nguyên giá		43.782.344.360	30.476.603.104
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(253.963.949)	
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.11	<b>125.030.620.497</b>	<b>47.884.453.137</b>
231	- Nguyên giá		150.656.384.255	52.489.956.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(25.625.763.758)	(4.605.503.317)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.08	<b>51.598.658.406</b>	<b>51.697.679.793</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		51.598.658.406	51.697.679.793
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>888.175.752.392</b>	<b>310.885.253.856</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		845.036.878.902	265.747.841.810
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.060.000.000	40.060.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.031.126.510)	(32.587.954)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.110.000.000	5.110.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>356.486.504.406</b>	<b>298.331.556.913</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	48.930.639.114	18.551.828.763
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		8.517.554.377	1.637.141.092
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.12	299.038.310.915	278.142.587.058
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.880.522.436.999</b>	<b>3.908.501.934.563</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.235.948.552.746</b>	<b>1.472.343.617.299</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.692.139.452.717</b>	<b>933.396.244.244</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	227.133.493.515	91.682.699.532
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		673.515.281.344	262.021.416.318
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	72.571.907.243	16.186.248.345
314	4. Phải trả người lao động		478.179.233	848.661.788
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	666.249.108	206.630.900
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	40.987.493.598	32.771.588.403
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	64.303.112.084	56.978.712.455
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		600.703.829.865	462.259.616.206
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.779.906.727	10.440.670.297
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>543.809.100.029</b>	<b>538.947.373.055</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.14	329.676.689	329.676.689
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.17	12.596.239.698	7.429.062.147
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.16	2.400.499.019	3.027.537.019
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	527.392.190.604	528.161.097.200
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.090.494.019	
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	2.644.573.884.253	2.436.158.317.264
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.644.573.884.253	2.436.158.317.264
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.104.200.000	45.056.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		53.679.524.657	29.741.625.938
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		4.971.647.795	4.971.647.795
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		302.083.146.925	145.064.513.594
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		145.064.513.594	69.390.533.016
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		157.018.633.331	75.673.980.578
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này			
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		39.336.694.876	11.925.659.937
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.880.522.436.999	3.908.501.934.563

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG



LÊ THANH THUẬN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.536.198.356.771	952.780.491.486
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	129.708.154.836	72.164.550.078
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.406.490.201.935	880.615.941.408
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	1.062.153.110.781	691.231.554.631
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		344.337.091.154	189.384.386.777
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	9.303.044.192	11.970.684.001
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	41.872.667.203	20.888.947.425
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42.761.844.105	17.880.872.209
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		39.108.789.200	10.651.571.302
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	26.992.284.378	32.719.089.195
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	98.984.827.905	51.180.900.581
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		224.899.145.061	107.217.704.879
31	11. Thu nhập khác	VI.07	3.359.734.696	988.132.150
32	12. Chi phí khác	VI.08	4.818.946.357	1.992.179.772
40	13. Lợi nhuận khác		(1.459.211.661)	(1.004.047.622)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		223.439.933.400	106.213.657.257
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	51.083.951.830	22.001.097.813
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(1.428.753.921)	(1.638.705.295)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		173.784.735.491	85.851.264.739
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		173.116.771.924	85.631.155.321
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		667.963.566	220.109.418
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	787	616
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	787	581

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		223.439.933.400	106.213.657.257
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BSEĐT		8.292.802.769	7.249.936.014
03	2. Các khoản dự phòng		(3.161.068.037)	(19.535.458)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(287.209.078)	(137.900.866)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.076.513.417)	(5.525.786.004)
06	5. Chi phí lãi vay		42.761.844.105	17.880.872.209
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		262.969.789.742	125.661.243.152
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		163.126.083.174	(891.316.386.394)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(232.004.499.098)	(121.322.128.294)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		599.820.422.819	258.395.150.324
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.536.675.429)	(1.761.691.828)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(43.017.691.105)	(74.678.041.629)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.977.774.267)	(28.555.485.610)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		733.379.655.836	(733.577.340.279)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(40.212.577.553)	(290.857.853.642)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		321.489.266	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(374.139.724.107)	(5.110.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.020.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(647.828.500.000)	(186.404.780.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			165.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.076.513.417	5.525.786.004
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.052.762.798.977)	(311.846.847.638)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			1.072.876.520.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		1.336.810.512.140 (1.278.095.531.123)	1.279.683.298.752 (1.224.522.238.464)
33	3. Tiền thu từ đi vay			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(178.792.986)	(27.001.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		58.536.188.031	1.128.010.579.288
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(260.846.955.110)	82.586.391.371
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		472.339.566.075	389.731.896.437
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		282.535	21.278.267
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		211.492.893.500	472.339.566.075

Người lập biểu

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SANG

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạt; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

#### 6. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 05
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 05
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	06 Đỗ Công Tường, P2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	81,36%	81,36%	81,36%	81,36%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất ( tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	81 Hùng Vương, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	99%	99%	99,00%	99,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%		63,94%	
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 80E Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Xuyên, Tp.Long Xuyên, An Giang	67,09%		67,09%	

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	39,29%	23,17%	39,29%	23,17%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang		35,31%		23,17%

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vinh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, An Giang
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình	Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.



**Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*- Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.  
Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

#### Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

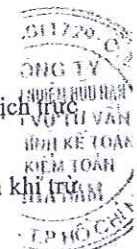
Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

#### Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

### Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

### Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

### **b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	29.884.465.419	16.784.470.365
Tiền gửi không kỳ hạn	22.508.428.081	63.358.180.774
Tiền đang chuyển	159.100.000.000	392.196.914.936
Các khoản tương đương tiền	159.100.000.000	392.196.914.936
- Tiền gửi có kỳ hạn		
<b>Cộng</b>	<b>211.492.893.500</b>	<b>472.339.566.075</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	39,29%	39,29%	94.476.504.654	186.527.725.687

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty liên doanh, liên kết trong kỳ  
Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

### 03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

- + Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I
- + Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính
- + Công ty CP SATRA Thái Sơn
- + Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản
- + Khách hàng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	376.373.447.012	362.280.763.909
	5.488.528.979	1.523.316.675
	16.881.856.000	21.520.384.000
	6.974.620.468	6.974.620.468
	22.842.525.600	20.163.666.000
	324.185.915.965	312.098.776.766
<b>Cộng</b>	<b>376.373.447.012</b>	<b>362.280.763.909</b>

b) Dài hạn

Cộng

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

### 04. PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

- + Phan Văn A (\*)

b) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.000.000.000	
	1.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	

#### Ghi chú:

(\*) Theo Hợp đồng vay vốn số 0801/2016/DL-CP ngày 08/01/2016 và Hợp đồng vay vốn số 1401/2016/DL-CP ngày 14/01/2016, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

### 05. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

- Tạm ứng
- Phải thu người lao động
- Ký cược, ký quỹ
- Các khoản chi hộ
- Phải thu khác

b) Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ
- Phải thu khác

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
	178.953.787.323		179.106.631.938	
	133.141.274.230		112.831.483.035	
	1.793.523.271			
	1.568.000.000		547.680.000	
	42.450.989.822		65.727.468.903	
	2.217.545.103		803.837.884	
	2.217.545.103			
			803.837.884	
<b>Cộng</b>	<b>181.171.332.426</b>		<b>179.910.469.822</b>	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

06. TÀI SẢN THIỂU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CHỜ XỬ LÝ				
Tiền				
Hàng tồn kho				
Tài sản cố định		5.681.192		9.640.807
Tài sản khác				
<b>Cộng</b>		<b>5.681.192</b>		<b>9.640.807</b>

07. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	43.259.742.925		1.000.922.558	
- Công cụ, dụng cụ	4.523.509.705			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.743.579.468		86.700.840.433	
- Thành phẩm	32.463.927.804		139.000.000	
- Hàng hóa	1.004.330.201.488		917.360.159.099	
- Hàng gửi đi bán	16.740.792		16.740.000	
- Hàng hóa kho bảo thuế				
<b>Cộng</b>	<b>1.259.337.702.182</b>		<b>1.005.217.662.090</b>	

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 276.207.467.811 đồng.

**08. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

Xây dựng cơ bản

- Đường GTGT BK3

- Khu dân cư Hoà Bình

- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM

- Công trình Cồn Bình Thạnh - Huyện Cao Lãnh

- Khu Đô Thị Mỹ Tho

- Thiết kế nhà Sadec

- Công trình khác

- Cài tạo Trung tâm văn hóa du lịch

- Công trình khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	51.598.658.406	51.697.679.793
	1.147.923.083	1.147.923.083
	1.653.591.160	1.653.591.160
	47.380.200.000	47.380.200.000
	462.649.706	462.649.706
	882.034.099	882.034.099
		73.535.298
	48.260.358	
	24.000.000	97.746.447
<b>Cộng</b>	<b>51.598.658.406</b>	<b>51.697.679.793</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	135.851.379.155	4.837.521.797	7.396.615.961	2.182.846.389	3.498.252.999	153.766.616.301
2. Số tăng trong năm	120.865.530.972	55.992.791.776	24.562.120.689	2.046.189.331	485.239.411	203.951.872.179
- Mua trong năm	28.092.610.000	774.288.182	10.170.173.636	1.151.505.735		40.188.577.553
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác	92.772.920.972	55.218.503.594	14.391.947.053	894.683.596	485.239.411	163.763.294.626
3. Số giảm trong năm	95.921.276.286	82.699.810	1.820.059.935	513.263.973		98.337.300.004
- Chuyển sang BĐS đầu tư	95.891.276.286					95.891.276.286
- Thanh lý, nhượng bán		51.578.000	1.820.059.935	513.263.973		2.384.901.908
- Giảm khác	30.000.000	31.121.810				61.121.810
4. Số dư cuối năm	160.795.633.841	60.747.613.763	30.138.676.715	3.715.771.747	3.983.492.410	259.381.188.476
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	33.663.626.932	2.559.761.194	4.586.771.417	1.277.580.177	428.947.158	42.516.686.878
2. Khấu hao trong năm	36.163.353.147	29.135.233.138	9.780.526.850	925.329.296	312.004.333	76.316.446.764
- Khấu hao trong năm	4.887.564.042	482.471.391	1.972.238.048	422.175.329	98.987.164	7.863.435.974
- Tăng khác	31.275.789.105	28.652.761.747	7.808.288.802	503.153.967	213.017.169	68.453.010.790
3. Giảm trong năm	20.595.919.936	82.699.810	1.646.161.935	513.263.973		22.838.045.654
- Chuyển sang BĐS đầu tư	20.590.893.646					20.590.893.646
- Thanh lý, nhượng bán		51.578.000	1.646.161.935	513.263.973		2.211.003.908
- Giảm khác	5.026.290	31.121.810				36.148.100
4. Số dư cuối năm	49.231.060.143	31.612.294.522	12.721.136.332	1.689.645.500	740.951.491	95.995.087.988
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	102.187.752.223	2.277.760.603	2.809.844.544	905.266.212	3.069.305.841	111.249.929.423
2. Tại ngày cuối năm	111.564.573.698	29.135.319.241	17.417.540.383	2.026.126.247	3.242.540.919	163.386.100.488

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 28.034.296.717 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.214.955.393 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

### 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	30.476.603.104					30.476.603.104
2. Số tăng trong năm	15.507.559.438					15.507.559.438
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác	15.507.559.438					15.507.559.438
3. Số giảm trong năm	2.201.818.182					2.201.818.182
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	2.201.818.182					2.201.818.182
4. Số dư cuối năm	43.782.344.360					43.782.344.360
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm						253.963.949
2. Khấu hao trong năm			253.963.949			253.963.949
- Khấu hao trong năm			253.963.949			253.963.949
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm			253.963.949			253.963.949
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	30.476.603.104					30.476.603.104
2. Tại ngày cuối năm	43.528.380.411					43.528.380.411

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 11.759.577.189 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) BĐS đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	52.489.956.454	98.166.427.801		150.656.384.255
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194	7.878.946.189		54.760.802.383
- Nhà	5.608.100.260	90.287.481.612		95.895.581.872
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	4.605.503.317	21.020.260.441		25.625.763.758
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	4.605.503.317	21.020.260.441		25.625.763.758
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	47.884.453.137	77.146.167.360		125.030.620.497,41
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194	7.878.946.189		54.760.802.383
- Nhà	1.002.596.943	69.267.221.171		70.269.818.114
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 125.030.802.383 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	310.228.827	192.002.512
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	310.228.827	192.002.512
Các khoản khác		
b) Dài hạn	48.930.639.114	18.551.828.763
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.051.905.627	5.345.311.528
Các khoản khác	37.878.733.487	13.206.517.235
d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.998.306.437	
Thuế thu nhập hoãn lại của Công ty Du Lịch An Giang	5.998.306.437	
c) Lợi thế thương mại	299.038.310.915	278.142.587.058
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	299.038.310.915	278.142.587.058
<b>Cộng</b>	<b>354.277.485.293</b>	<b>296.886.418.333</b>

### 13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	600.703.829.865	600.703.829.865	1.149.972.739.140	1.011.528.525.481	462.259.616.206	462.259.616.206
Vay ngắn hạn - USD						
<b>Cộng</b>	<b>600.703.829.865</b>	<b>600.703.829.865</b>	<b>1.149.972.739.140</b>	<b>1.011.528.525.481</b>	<b>462.259.616.206</b>	<b>462.259.616.206</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

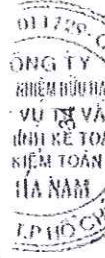
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	520.527.060.604	520.527.060.604	275.398.099.046	274.867.005.642	519.995.967.200	519.995.967.200
- VND	520.527.060.604	520.527.060.604	275.398.099.046	274.867.005.642	519.995.967.200	519.995.967.200
Trên 5 năm	6.865.130.000	6.865.130.000		1.300.000.000	8.165.130.000	8.165.130.000
- Ngân hàng Ngoại thương An Giang	6.865.130.000	6.865.130.000		1.300.000.000	8.165.130.000	8.165.130.000
<b>Cộng</b>	<b>527.392.190.604</b>	<b>527.392.190.604</b>	<b>275.398.099.046</b>	<b>276.167.005.642</b>	<b>528.161.097.200</b>	<b>528.161.097.200</b>
<b>Số cuối năm</b>						
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Ngân hạn	227.133.493.515		227.133.493.515	91.682.699.532	91.682.699.532	
+ Cty CP Seatocco	29.703.496.630		29.703.496.630	26.204.839.780	26.204.839.780	
+ Công ty CP Đầu tư DL & PT Thủy Sản				4.955.169.750	4.955.169.750	
+ Công ty TNHH MTV Toàn Cầu	3.184.181.262		3.184.181.262	10.868.191.594	10.868.191.594	
+ Công ty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	21.040.504.136		21.040.504.136			
+ Công ty TNHH JIANGSU MUYANG HOLDINGS	64.436.923.000		64.436.923.000			
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Đa Quốc Gia IDI	4.134.954.914		4.134.954.914	31.263.594.364	31.263.594.364	
Đối tượng khác	104.633.433.573		104.633.433.573	18.390.904.044	18.390.904.044	
b) Dài hạn	329.676.689		329.676.689	329.676.689	329.676.689	
+ Phải trả cho các đối tượng khác	329.676.689		329.676.689	329.676.689	329.676.689	
<b>Cộng</b>	<b>227.463.170.204</b>		<b>227.463.170.204</b>	<b>92.012.376.221</b>	<b>92.012.376.221</b>	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.541.991.861	5.516.760.204	73.010.432.011	53.991.035.090	3.327.565.329	28.128.521.034
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	67.024.298				67.024.298	
Thuế tiêu thụ đặc biệt		3.166.985	352.400.230	325.275.726		39.387.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.693.529.345	51.478.321.501	12.380.598.518	316.259.543	41.792.763.168
Thuế thu nhập cá nhân	1.889.490.144		2.381.189.620	615.507.155	2.427.130.444	2.578.341.660
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	439.325.660	7.300.684.000	3.283.722.033	10.584.406.033		
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		1.109.442.812		1.695.762.200	419.065.460	18.961.604
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		672.107.811		52.895.033		13.931.786
<b>Cộng</b>	<b>6.937.831.963</b>	<b>16.186.248.345</b>	<b>131.615.508.207</b>	<b>79.645.479.755</b>	<b>6.557.045.074</b>	<b>72.571.907.243</b>

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	666.249.108	206.630.900
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa	151.755.000	
Các khoản khác	514.494.108	206.630.900
b) Dài hạn		
Cộng	<b>666.249.108</b>	<b>206.630.900</b>

### 16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	64.303.112.084	56.978.712.455
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.143.773	
Kinh phí công đoàn	332.790.400	111.774.000
Bảo hiểm xã hội	313.252.333	333.769.701
Bảo hiểm y tế	38.201.381	102.564.221
Bảo hiểm thất nghiệp	22.665.643	23.734.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.064.198.425	1.205.435.425
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.526.860.129	55.201.435.108
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	24.000.000.000	
Cty TNHH MTV Kiểm Định và Đầu Tư Toàn Cầu	20.003.418.200	
Trần Thụy Thanh Thảo	3.004.118.969	
Vũ Đức Thảo	13.377.322.960	55.201.435.108
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
b) Dài hạn	2.400.499.019	3.027.537.019
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.900.499.019	2.527.537.019
Cộng	<b>66.703.611.103</b>	<b>60.006.249.474</b>

### c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

### 17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	40.987.493.598	32.771.588.403
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	40.987.493.598	32.771.588.403
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
b) Dài hạn	12.596.239.698	7.429.062.147
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	12.596.239.698	7.429.062.147
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
Cộng	<b>53.583.733.296</b>	<b>40.200.650.550</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

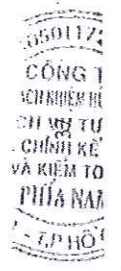
Năm 2016

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.072.877.400.000	45.057.080.000	23.304.431.230	4.971.647.795	120.995.887.650	10.503.450.465	1.277.709.897.140
Tăng vốn trong năm trước	1.126.521.270.000						1.126.521.270.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát							
Lãi trong năm trước			6.437.194.708		85.631.155.321	220.109.418	85.851.264.739
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						1.202.100.054	7.639.294.762
Giảm vốn trong năm trước							
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.918.659.377)		(7.918.659.377)
Chia cổ tức					(53.643.870.000)		(53.643.870.000)
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác		(880.000)					(880.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>29.741.625.938</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>145.064.513.594</b>	<b>11.925.659.937</b>	<b>2.436.158.317.264</b>
Tăng vốn trong năm nay							
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát							
Lãi trong năm nay					173.116.771.924	667.963.566	173.784.735.491
Tăng do trích từ lợi nhuận						26.743.071.373	50.728.970.092
Tăng khác	48.000.000		23.937.898.719				
Trích quỹ từ lợi nhuận							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác					(16.098.138.593)		(16.098.138.593)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.104.200.000</b>	<b>53.679.524.657</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>302.083.146.925</b>	<b>39.336.694.876</b>	<b>2.644.573.884.253</b>

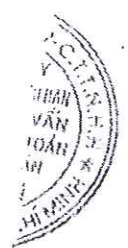


**BÁNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	%	<u>Số đầu năm</u>	%
<b>18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>				
Vốn góp của công ty mẹ	2.199.398.670.000	100,00%	2.199.398.670.000	100,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.199.398.670.000	100,00%	2.199.398.670.000	100,00%
<b>Cộng</b>				
<b>18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Vốn góp đầu năm	2.199.398.670.000		1.072.877.400.000	
- Vốn góp tăng trong năm			1.126.521.270.000	
- Vốn góp giảm trong năm				
- Vốn góp cuối năm	2.199.398.670.000		2.199.398.670.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			53.643.870.000	
<b>18 . 4. Cổ phiếu</b>			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		219.939.867	219.939.867	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		219.939.867	219.939.867	
- Cổ phiếu phổ thông		219.939.867	219.939.867	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
- Cổ phiếu phổ thông				
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		219.939.867	219.939.867	
- Cổ phiếu phổ thông		219.939.867	219.939.867	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
<b>18 . 5. Các quỹ của Công ty</b>			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển		53.679.524.657	29.741.625.938	
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.971.647.795	4.971.647.795	
<b>19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>c) Ngoại tệ các loại</b>			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)		21.060,48	11.913,00	
- Bảng Anh (EUR)		881,31		
- Đô la Hồng Kông (HKD)				
- Nhân dân tệ (CNY)				





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bất động sản	475.890.836.797	361.446.184.277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.574.889.254	35.510.992.621
Doanh thu thương mại	374.602.390.696	358.394.110.127
Doanh thu thành phẩm khác	350.570.449.480	48.896.477.188
Doanh thu xây dựng	271.559.790.544	148.532.727.273
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	271.559.790.544	148.532.727.273
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	635.929.384.040	364.369.593.496
Doanh thu khác		

Cộng

1.536.198.356.771 952.780.491.486

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm nay
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cty liên kết	682.412.603.064
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	55.542.352.400
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Đầu tư dài hạn khác	16.881.856.000

c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải thuyết minh

#### 02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại	129.708.154.836	72.164.550.078
Cộng	129.708.154.836	72.164.550.078

#### 03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của bất động sản	168.418.129.460	150.750.962.781
- Giá vốn thương mại	400.148.322.645	344.654.171.718
- Giá cung cấp dịch vụ	337.284.692.266	33.277.082.496
- Giá vốn thành phẩm khác		44.927.077.226
- Giá vốn xây dựng	156.301.966.410	117.622.260.410
Cộng	1.062.153.110.781	691.231.554.631

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.722.753.391	5.525.786.004
Lãi bán các khoản đầu tư	780.459.264	
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.767.162.308	422.056.156
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.290.518	337.334.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.633	5.685.507.841
<b>Cộng</b>	<b>9.303.044.192</b>	<b>11.970.684.001</b>

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	42.761.844.105	17.880.872.209
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.319.904.742	463.051.200
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		284.155.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(2.905.221.037)	(3.421.991.585)
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	696.139.393	5.682.860.311
Chi phí tài chính khác		1.172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.872.667.203</b>	<b>20.888.947.425</b>

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	2.497.986	
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.358.983.676	13.670.683.130
Chi phí nhân viên	109.091	
Chi phí khấu hao	31.930.781	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Thuế, phí, lệ phí	4.598.762.844	19.048.406.065
Các khoản chi phí QLDN khác		
<b>Cộng</b>	<b>26.992.284.378</b>	<b>32.719.089.195</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	299.794.352	1.762.856.933
Chi phí nhân viên	4.913.441.376	832.550.507
Chi phí công cụ, dụng cụ	32.157.460.284	24.255.801.016
Chi phí khấu hao	3.912.138.205	1.902.011.412
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.468.916.542	2.248.757.689
Thuế, phí, lệ phí	148.862.410	
Các khoản chi phí QLDN khác	41.084.214.736	20.178.923.024
<b>Cộng</b>	<b>98.984.827.905</b>	<b>51.180.900.581</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	318.181.818	
Tiền phạt thu được	2.900.600.073	988.132.150
Các khoản khác	140.952.805	
<b>Cộng</b>	<b>3.359.734.696</b>	<b>988.132.150</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.371.827.384	1.963.630.773
Các khoản bị phạt	1.447.118.973	28.548.999
Các khoản khác		
<b>Cộng</b>	<b>4.818.946.357</b>	<b>1.992.179.772</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.757.713.897	300.129.084.798
Chi phí nhân công	76.062.554.308	29.146.854.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.277.978.825	7.437.477.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.406.447.810	7.526.972.624
Chi phí khác bằng tiền	32.117.818.570	63.481.641.678
<b>Cộng</b>	<b>501.622.513.410</b>	<b>407.722.031.383</b>

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	51.083.951.830	22.001.097.813
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51.083.951.830</b>	<b>22.001.097.813</b>

### 11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LOẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.428.753.921)	(1.638.705.295)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(1.428.753.921)</b>	<b>(1.638.705.295)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	173.116.771.924	85.631.155.321
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		1.609.298.677
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	219.939.867	136.314.217
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>787</b>	<b>616</b>

### 13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	173.116.771.924	85.631.155.321
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		1.609.298.677
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		10.996.993
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	219.939.867	136.314.217
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>787</b>	<b>581</b>

### THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN VII. TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.546.189.850.739
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.496.240.271.653

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	921.853.000	282.000.000
Tiền lương	5.760.654.448	3.569.624.443

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI		
	Bán cá nguyên liệu	8.045.154.708
	Bán thức ăn cá	258.424.100.302
	Tổng thầu Xây dựng nhà máy thức ăn	255.140.255.328
	Bán bột cá	3.897.660.000
	Mua Cá Tra fillet	45.735.398.000
	Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	83.826.491.738
	Chi hộ phí hoa hồng	289.672.800
	Chi hộ phí ủy thác xuất khẩu	421.891.508
	Chi hộ tiền bảo hiểm	125.580.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI		
	Tiền Ủy thác nhập khẩu	28.606.302.250
	Phải thu tiền Ủy thác xuất khẩu	5.488.528.979

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI		
	Tiền nguyên liệu thức ăn	2.886.891.980
	Tiền bảo hiểm chi hộ	352.784.144.172

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

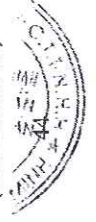
### 04. Thông tin bộ phận

#### a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm nay			Tổng cộng			
	An Giang	Đồng Tháp	Đông Tháp				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.316.995.119.256	89.495.082.679	1.406.490.201.935	294.102.771.808	227.897.991.670	358.615.177.930	880.615.941.408
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận							
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.316.995.119.256	89.495.082.679	1.406.490.201.935	294.102.771.808	227.897.991.670	358.615.177.930	880.615.941.408
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	330.820.299.447	13.516.791.707	344.337.091.154	138.430.632.511	33.148.769.134	17.804.985.132	189.384.386.777
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(125.977.112.283)				(83.899.989.776)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			218.359.978.871				105.484.397.001
Doanh thu hoạt động tài chính			9.303.044.192				11.970.684.001
Chi phí tài chính			(41.872.667.203)				(20.888.947.425)
Phân lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết			39.108.789.200				10.651.571.302
Thu nhập khác			3.359.734.696				988.132.150
Chi phí khác			(4.818.946.357)				(1.992.179.772)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(51.083.951.830)				(22.001.097.813)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			1.428.753.921				1.638.705.295
Lợi nhuận sau thuế TNDN			173.784.735.491				85.851.264.739
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(40.212.577.553)				(290.857.853.642)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(8.292.802.769)				(7.249.936.014)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	An Giang	Đồng Tháp	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	4.728.167.595.036	92.682.979.392	4.820.850.574.428	993.239.411.300	492.267.627.801	2.145.892.382.962
Tài sản không phân bổ			59.671.862.571			1.762.609.551.601
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.728.167.595.036</b>	<b>92.682.979.392</b>	<b>4.880.522.436.999</b>	<b>993.239.411.300</b>	<b>492.267.627.801</b>	<b>3.908.501.934.563</b>
Nợ phải trả bộ phận	2.197.493.130.910	38.390.813.109	2.235.883.944.019	456.580.590.612	35.884.001.918	499.896.762.331
Nợ phải trả không phân bổ			64.608.727			972.446.854.968
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.197.493.130.910</b>	<b>38.390.813.109</b>	<b>2.235.948.552.746</b>	<b>456.580.590.612</b>	<b>35.884.001.918</b>	<b>1.472.343.617.299</b>

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chi tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	346.182.681.961	271.559.790.544	374.602.390.696	414.145.338.734	1.406.490.201.935
Tài sản bộ phận	3.090.359.618.658	269.537.878.254	826.213.373.885	461.039.824.396	4.647.150.695.193
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					(40.212.577.553)
<b>Năm trước</b>					

Chi tiêu

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tài sản bộ phận

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

289.281.634.199	148.532.727.273	393.905.102.748	48.896.477.188	880.615.941.408
1.819.061.369.273	63.998.355.280	140.989.724.584	121.842.933.825	2.145.892.382.962
				(290.857.853.642)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

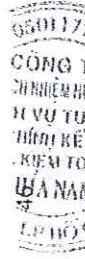
Đơn vị tính: VND

### 05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	211.492.893.500	472.339.566.075	211.492.893.500	472.339.566.075
Phải thu khách hàng	376.373.447.012	362.280.763.909	376.373.447.012	362.280.763.909
Trả trước cho người bán	843.928.366.079	1.031.088.521.159	843.928.366.079	1.031.088.521.159
Các khoản phải thu khác	181.171.332.426	179.910.469.822	181.171.332.426	179.910.469.822
Đầu tư tài chính ngắn hạn	372.139.724.107		372.139.724.107	
Đầu tư tài chính dài hạn	890.206.878.902	(2.031.126.510)	888.175.752.392	310.885.253.856
<b>Cộng</b>	<b>2.875.312.642.026</b>	<b>(2.031.126.510)</b>	<b>2.873.281.515.516</b>	<b>2.356.504.574.821</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	227.463.170.204	92.012.376.221	227.463.170.204	92.012.376.221
Người mua trả tiền trước	673.515.281.344	262.021.416.318	673.515.281.344	262.021.416.318
Vay và nợ	1.128.096.020.469	990.420.713.406	1.128.096.020.469	990.420.713.406
Phải trả người lao động	478.179.233	848.661.788	478.179.233	848.661.788
Trái phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả khác	66.703.611.103	60.006.249.474	66.703.611.103	60.006.249.474
<b>Cộng</b>	<b>2.096.256.262.353</b>	<b>1.405.309.417.207</b>	<b>2.096.256.262.353</b>	<b>1.405.309.417.207</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị số sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### 06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

#### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### - Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	227.133.493.515			227.133.493.515
Người mua trả tiền trước	673.515.281.344			673.515.281.344
Vay và nợ	600.703.829.865	527.392.190.604		1.128.096.020.469
Trái phiếu chuyển đổi	666.249.108			666.249.108
Chi phí phải trả	64.303.112.084	2.400.499.019		66.703.611.103
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.566.321.965.916	529.792.689.623		2.096.114.655.539
<b>Cộng</b>				<b>66.703.611.103</b>
				<b>2.095.448.406.431</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.060	11.913
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác		
Vay và nợ thuê tài chính		
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>21.060</b>	<b>11.913</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	9.569.882	5.348.937
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(9.569.882)	(5.348.937)

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

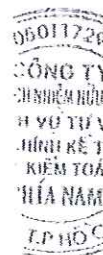
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### - Rủi ro về giá

##### + Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**+ Rủi ro về giá bất động sản**

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

**d. Tài sản đảm bảo**

**- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm
Tiền gửi có kỳ hạn	276.207.467.811
Hàng tồn kho	57.305.000.000
Tài sản cố định hữu hình	11.759.577.189
Quyền sử dụng đất	174.000.000.000
Bất động sản đầu tư	

**- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**07. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**08. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

*[Signature]*

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

Kế toán trưởng

*[Signature]*

NGUYỄN HOÀNG SANG

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2017  
Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc



LÊ THANH THUẬN